

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Y HỌC DỰ PHÒNG

MÃ NGÀNH: 7720110

(Ban hành kèm theo Quyết định số 948./QĐ-NTT ngày 03 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Preventive Medicine

+ Tên tiếng Việt: Y học dự phòng

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: từ khóa 2021

Thời gian đào tạo (dự kiến): 6 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Bằng Bác sĩ y khoa ngành Y học dự phòng

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Medicine in Preventive Medicine

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Y

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 6, 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4,
TP.HCM

+ Điện thoại liên lạc: 08.62619445 (188)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 theo tổ hợp môn.
- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên
(được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)

- Tổng ĐTB 5 HK: *ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+ ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12* đạt từ 30 trở lên.
 - Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
 - **Phương thức 3:** Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
 - **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.
- Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.*

3. Các điều kiện tốt nghiệp:

Theo quy định Quyết định số 882/QĐ-NTT ngày 29/07/2021 về việc công bố chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các ngành đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

4. Thang điểm: 10

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10
- Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây:
 - + Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:
 - A: từ 8,5 đến 10,0;
 - B: từ 7,0 đến 8,4;
 - C: từ 5,5 đến 6,9;
 - D: từ 4,0 đến 5,4.
 - + Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:
 - P: từ 5,0 trở lên.
 - + Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

- Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

II. NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)

- GA1: Kỹ năng thu thập và phân tích các thông tin về sức khoẻ cộng đồng
- GA2: Kỹ năng quản lý và tổ chức y tế
- GA3: Kỹ năng Tổ chức phòng chống dịch
- GA4: Kỹ năng nghiên cứu khoa học
- GA5: Kỹ năng khám và điều trị bệnh thông thường

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programe Educational Objectives – PEOs)

- PEO1: Thực hiện độc lập được đề tài nghiên cứu khoa học

- PEO2: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn
- PEO3: Kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng.
- PEO4: Kỹ năng khám và xử trí ban đầu các bệnh thông thường

3. Kết quả học tập mong đợi /Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes - ELOs)

Kiến thức

- ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế ngành Y;
- ELO2 (K2): Phân tích khoa học cơ bản, trong nghiên cứu y học dự phòng, khoa học xã hội nhân văn và y sinh học cơ sở làm nền tảng cho y học dự phòng;
- ELO3 (K3): Hiểu biết về y học dự phòng trong việc xác định các yếu tố tác động của môi trường tự nhiên, xã hội, nghề nghiệp đến sức khỏe của cộng đồng. Có khả năng tuyên truyền giáo dục và tư vấn các vấn đề sức khỏe trong lĩnh vực y học và sức khỏe cộng đồng;
- ELO4 (K4): Nắm được cách thức giải quyết những bệnh thông thường và một số bệnh cấp cứu theo tiêu chuẩn đa khoa thực hành;

Kỹ năng

- ELO5 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề;
- ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau;
- ELO7 (S3): Phân tích vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch can thiệp, và tổ chức thực hiện. Tổ chức và theo dõi quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp; Chẩn đoán và xử trí thành thạo các bệnh thông thường;
- ELO8 (S4): Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động các dự án chương trình quốc gia về y tế dự phòng;

Thái độ

- ELO9 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội;

- ELO10 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời;
- ELO11 (A3): Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- ELO12 (A4): Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và yêu cầu nghề nghiệp. Trung thực, khách quan, làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (*program ideas*)

- Dựa trên khung chương trình đào tạo dành cho sinh viên là học sinh trung học phổ thông, khung chương trình cho các đối tượng khác sẽ được thiết kế sao cho phù hợp giữa khối lượng kiến thức với thời gian đào tạo;

- Tư tưởng chủ đạo:

“Sinh viên xuất sắc + Giảng viên giỏi + Cơ sở vật chất tốt + Chương trình tiên tiến” → Sản phẩm khác biệt (bác sĩ chất lượng cao)

- Xuất phát từ nhu cầu sử dụng, các kết quả khảo sát chất lượng hành nghề của bác sĩ y học dự phòng do các cơ sở trong nước đào tạo. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ xây dựng một chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội về số lượng và chất lượng các bác sĩ y học dự phòng sau khi ra trường;

- Chương trình đào tạo phải dựa trên thế mạnh các ngành khoa học cơ bản và tiềm lực cơ sở vật chất của nhà trường.

- Xây dựng khung chương trình trên cơ sở các văn bản của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

- Các bước xây dựng khung chương trình:

- + Bước 1: Khảo sát nhu cầu bác sĩ y học dự phòng hiện nay trong cả nước (theo số liệu của Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế).
- + Bước 2: Đánh giá nguồn lực của cơ sở đào tạo.
- + Bước 3: Đánh giá tình hình đào tạo bác sĩ y học dự phòng trong và ngoài nước, xác định thế mạnh và hạn chế của cơ sở đào tạo.
- + Bước 4: Xác định sự khác biệt trong chương trình và sản phẩm đào tạo.

- + Bước 5: Xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.
- + Bước 6: Thiết kế và xây dựng khung chương trình đào tạo.
- + Bước 7: Áp dụng khung chương trình đào tạo.
- + Bước 8: Quản lý khung chương trình.
- + Bước 9: Thu thập thông tin phản hồi.
- + Bước 10: Hoàn thiện khung chương trình.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Y xã hội học và nhân học y học (2 tín chỉ)	12	24	16 %
	Dịch tễ học bệnh nhiễm (2 tín chỉ)			
	Dịch tễ học bệnh không nhiễm (2 tín chỉ)			
	Sức khỏe lứa tuổi (2 tín chỉ)			
	Sức khỏe sinh sản (2 tín chỉ)			
	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội (2 tín chỉ)			
	Các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe (2 tín chỉ)			
	Dinh dưỡng & Vệ sinh an toàn thực phẩm (2 tín chỉ)			
	Sức khỏe môi trường (2 tín chỉ)			
	Sức khỏe nghề nghiệp (2 tín chỉ)			
	Tâm lý y học - đạo đức y học (2 tín chỉ)			
	Dân số học (2 tín chỉ)			
GA2	Tổ chức và quản lý y tế (2 tín chỉ)	9	18	10%
	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS (2 tín chỉ)			
	Quản lý dự án (2 tín chỉ)			
	Theo dõi và đánh giá các chương trình y tế (2 tín chỉ)			
	Lập kế hoạch y tế (2 tín chỉ)			
	Quản lý tài chính và kinh tế y tế (2 tín chỉ)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	Chính sách y tế (2 tín chỉ)			
	Chương trình y tế quốc gia (2 tín chỉ)			
	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế (2 tín chỉ)			
	Thực tập cộng đồng (4 tín chỉ)			
GA3	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan dinh dưỡng và thực phẩm (2 tín chỉ)	6	18	11%
	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan đến môi trường, nghề nghiệp và học đường (2 tín chỉ)			
	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống chấn thương (2 tín chỉ)			
	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống các bệnh mạn tính không lây (4 tín chỉ)			
	Giám sát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm (4 tín chỉ)			
GA4	Dịch tễ học đại cương (2 tín chỉ)	5	11	6%
	Phân tích số liệu bằng STATA (2 tín chỉ)			
	Nghiên cứu định tính (2 tín chỉ)			
	Thống kê y sinh học (3 tín chỉ)			
	Nghiên cứu định lượng (2 tín chỉ)			
GA5	Sinh lý học (2 tín chỉ)	33	85	57%
	Hóa học đại cương (2 tín chỉ)			
	Lý sinh (2 tín chỉ)			
	Giải phẫu (4 tín chỉ)			
	Mô phôi (2 tín chỉ)			
	Hoá sinh (3 tín chỉ)			
	Vĩ sinh học (2 tín chỉ)			
	Ký sinh trùng y học (2 tín chỉ)			
	Giải phẫu bệnh (2 tín chỉ)			
	Sinh lý bệnh – Miễn dịch (2 tín chỉ)			
	Điều dưỡng cơ bản (2 tín chỉ)			
	Nội cơ sở (2 tín chỉ)			
	Ngoại cơ sở (2 tín chỉ)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Nhi (4 tín chỉ)			
	Truyền nhiễm (4 tín chỉ)			
	Nội bệnh lý 1 (3 tín chỉ)			
	Nội bệnh lý 2 (3 tín chỉ)			
	Ngoại bệnh lý (4 tín chỉ)			
	Chấn thương chỉnh hình (3 tín chỉ)			
	Chẩn đoán hình ảnh (2 tín chỉ)			
	Mắt (2 tín chỉ)			
	Tai mũi họng (2 tín chỉ)			
	Tai mũi họng (2 tín chỉ)			
	Mắt (2 tín chỉ)			
	Da liễu (4 tín chỉ)			
	Phục hồi chức năng (2 tín chỉ)			
	Thần kinh (2 tín chỉ)			
	Sức khỏe Tâm thần (2 tín chỉ)			
	Ung bướu (2 tín chỉ)			
	Lao (2 tín chỉ)			
	Huyết học (4 tín chỉ)			
	Nội tiết (3 tín chỉ)			
	Phụ sản (4 tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 205 tín chỉ (Chưa tính GDTC và GDQP)

Trong đó:

- Kiến thức đại cương : 40 tín chỉ Tỉ lệ: 19.5%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 155 tín chỉ Tỉ lệ: 75.6%
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 50 tín chỉ Tỉ lệ: 24.4%
 - + Kiến thức chuyên ngành : 105 tín chỉ Tỉ lệ: 51.2%
- Thực tập/ Khóa luận tốt nghiệp : 10 tín chỉ Tỉ lệ: 4.9%

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI		40	465	270		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
	CƯƠNG						
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	45	0		Elearning
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	30	0	075580 (a)	Elearning
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	075581 (a)	Elearning
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	075582 (a)	Elearning
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	075583 (a)	Elearning
6	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0		Lý thuyết
7	070241	Tâm lý y học - đạo đức y học	2	30	0		Lý thuyết
8	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	30	30		LT+TH
9	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	30	30		LT+TH
10	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	30	30		LT+TH
11	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	30	30		LT+TH
12	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	30	30		LT+TH
13	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	0	60		Thực hành
14	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	0	60	073493 (a)	Thực hành
15	070004	Hóa học đại cương	2	30	0		Lý thuyết
16	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	30	0		Lý thuyết
17	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	30	0		Lý thuyết
18	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	15	90		LT+TH
19	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	77	72		LT+TH
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		155	1290	2070		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		50	420	660		
1	073357	Lý sinh	2	15	30		LT+TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiền quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
2	073375	Thống kê y sinh học	3	30	30		LT+TH
3	074008	Sinh học và di truyền	2	30	0		Lý thuyết
4	074890	Nghiên cứu định lượng	2	15	30		LT+TH
5	073360	Sinh lý học	3	30	30		LT+TH
6	074512	Dược lý đại cương	2	15	30		LT+TH
7	074550	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	15	30		LT+TH
8	073409	Dịch tễ học đại cương	3	30	30		LT+TH
9	073356	Hóa sinh	3	30	30		LT+TH
10	073364	Giải phẫu bệnh	2	15	30		LT+TH
11	073361	Điều dưỡng cơ bản	2	15	30		LT+TH
12	073407	Vi sinh học	2	15	30		LT+TH
13	073366	Mô phôi	2	15	30		LT+TH
14	073379	Thực tập y học dự phòng 1	2	0	60		Thực hành
15	073406	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	15	30		LT+TH
16	073372	Khoa học môi trường sinh thái	2	15	30		LT+TH
17	073355	Giải phẫu	4	30	60		LT+TH
18	073365	Ký sinh trùng y học	2	15	30		LT+TH
19	073408	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	15	30		LT+TH
20	073358	Dân số học	2	30	0		Lý thuyết
21	073371	Chẩn đoán hình ảnh	2	15	30		LT+TH
22	074517	Y xã hội học và nhân học y học	2	15	30		LT+TH
II.2	Kiến thức chuyên ngành		105	870	1410		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
Bắt buộc			93	780	1230		
1	075930	Kỹ năng y khoa cơ bản	3	30	30		
2	073380	Truyền nhiễm	4	45	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
3	073399	Phục hồi chức năng	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
4	073397	Thực tập y tế dự phòng 2	2	0	60		Thực tập bệnh viện
5	074775	Nội bệnh lý 1	3	30	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
6	074551	Sức khỏe nghề nghiệp	2	15	30		LT+TH
7	073410	Sức khỏe môi trường	2	15	30		LT+TH
8	076573	Y học gia đình	4	30	60		LT+TH
9	076574	Tiền lâm sàng	4	45	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
10	073377	Nội cơ sở	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
11	073398	Tổ chức và quản lý y tế	2	30	0		LT+TH
12	073385	Nhi	4	30	60		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
13	073386	Phụ sản	4	30	60		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
14	073376	Ngoại cơ sở	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
15	073400	Sức khỏe lứa tuổi	2	30	0		Lý thuyết
16	073383	Ngoại bệnh lý	4	30	60		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
17	074518	Dịch tễ học bệnh nhiễm	2	30	0		Lý thuyết
18	074520	Dịch tễ học bệnh	2	15	30		LT+TH

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
		không nhiễm					
19	073401	Sức khỏe sinh sản	2	30	0		Lý thuyết
20	074522	Giám sát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm	4	30	60		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
21	074553	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan dinh dưỡng và thực phẩm	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
22	074554	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan đến môi trường, nghề nghiệp và học đường	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
23	074546	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống chấn thương	2	15	30		LT+TH
24	074547	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống các bệnh mạn tính không lây	4	30	60		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
25	073388	Lao	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
26	073402	Sức khỏe tâm thần	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
27	073392	Thần kinh	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
28	074555	Nội tiết	3	30	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
29	073387	Da liễu	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
30	073389	Mắt	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
31	073391	Tai mũi họng	2	15	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
32	074557	Ung bướu	2	15	30		Lý thuyết và thực tập

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiền quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
							bệnh viện
33	074556	Chấn thương chỉnh hình	3	30	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
34	074558	Nội bệnh lý 2	3	30	30		Lý thuyết và thực tập bệnh viện
35	074892	Thực tập cộng đồng	4	0	120		Thực tập tại viện nghiên cứu, bệnh viện
Tự chọn			12	90	180		
1	074559	Phân tích số liệu bằng STATA	2	15	30		LT+TH
2	074567	Nghiên cứu định tính	2	15	30		LT+TH
3	074560	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	15	30		LT+TH
4	074562	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	2	15	30		LT+TH
5	074563	Quản lý dự án	2	15	30		LT+TH
6	074568	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	15	30		LT+TH
7	074564	Theo dõi và đánh giá các chương trình y tế	2	15	30		LT+TH
8	074565	Lập kế hoạch y tế	2	15	30		LT+TH
9	074891	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	15	30		LT+TH
10	074573	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	15	30		LT+TH
11	074570	Chính sách y tế	2	15	30		LT+TH
12	073396	Chương trình y tế quốc gia	2	15	30		LT+TH
III	TỐT NGHIỆP		10	0	300		
1	073404	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150		Thực tập tại viện nghiên cứu, bệnh viện
2	073405	Khóa luận tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp	5	0	150		Thực tập tại viện nghiên cứu, bệnh viện

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			11	
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	075580 (a)
3	070004	Hóa học đại cương	2	
4	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	
5	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
6	074008	Sinh học và di truyền	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	
HỌC KỲ 2			13	
1	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	
2	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	
3	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	073493(a)
4	073357	Lý sinh	2	
5	073355	Giải phẫu	4	
HỌC KỲ 3			12	
1	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	
2	073364	Giải phẫu bệnh	2	
3	073366	Mô phôi	2	
4	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y	3	
5	073360	Sinh lý học	3	
HỌC KỲ 4			12	
1	073408	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	
2	073356	Hóa sinh	3	
3	073407	Vì sinh học	2	
4	074512	Dược lý đại cương	2	
5	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	
HỌC KỲ 5			12	
1	070241	Tâm lý y học - đạo đức y học	2	
2	073361	Điều dưỡng cơ bản	2	
3	073365	Ký sinh trùng y học	2	
4	073375	Thống kê y sinh học	3	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
5	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
HỌC KỲ 6			12	
1	073358	Dân số học	2	
2	075930	Kỹ năng y khoa cơ bản	3	
3	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	
4	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075581 (a)
5	070011	Pháp luật đại cương	2	
HỌC KỲ 7			12	
Bắt buộc			10	
1	073406	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	
2	074550	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	
3	076574	Tiền lâm sàng	4	
4	073398	Tổ chức và quản lý y tế	2	
Tự chọn			2	
1	074559	Phân tích số liệu bằng STATA	2	
2	074567	Nghiên cứu định tính	2	
HỌC KỲ 8			11	
Bắt buộc			9	
1	074890	Nghiên cứu định lượng	2	
2	074517	Y xã hội học và nhân học y học	2	
3	073409	Dịch tễ học đại cương	3	
4	074551	Sức khỏe nghề nghiệp	2	
Tự chọn			2	
1	074560	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	
2	074562	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	2	
HỌC KỲ 9			12	
Bắt buộc			10	
1	073410	Sức khỏe môi trường	2	
2	073380	Truyền nhiễm	4	
3	074518	Dịch tễ học bệnh nhiễm	2	
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075582 (a)
Tự chọn			2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
1	074563	Quản lý dự án	2	
2	074568	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	
HỌC KỲ 10			10	
Bắt buộc			8	
1	074520	Dịch tễ học bệnh không nhiễm	2	
1	073401	Sức khỏe sinh sản	2	
3	073377	Nội cơ sở	2	
4	073376	Ngoại cơ sở	2	
Tự chọn			2	
1	074564	Theo dõi và đánh giá các chương trình y tế	2	
2	074565	Lập kế hoạch y tế	2	
HỌC KỲ 11			12	
Bắt buộc			10	
1	073400	Sức khỏe lứa tuổi	2	
2	074522	Giám sát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm	4	
3	074553	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan dinh dưỡng và thực phẩm	2	
4	074554	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan đến môi trường, nghề nghiệp và học đường	2	
Tự chọn			2	
1	074891	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	
2	074573	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	
HỌC KỲ 12			10	
Bắt buộc			8	
1	074546	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống chấn thương	2	
2	074547	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống các bệnh mạn tính không lây	4	
3	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583 (a)
Tự chọn			2	
1	074570	Chính sách y tế	2	
2	073396	Chương trình y tế quốc gia	2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 13			13	
1	073372	Khoa học môi trường sinh thái	2	
2	073388	Lao	2	
3	074555	Nội tiết	3	
4	073392	Thần kinh	2	
5	073402	Sức khỏe tâm thần	2	
6	073371	Chẩn đoán hình ảnh	2	
HỌC KỲ 14			10	
1	076573	Y học gia đình	4	
2	073391	Tai mũi họng	2	
3	073389	Mắt	2	
4	073379	Thực tập y học dự phòng 1	2	
HỌC KỲ 15			11	
1	073387	Da liễu	2	
2	074557	Ung bướu	2	
3	074556	Chấn thương chỉnh hình	3	
4	073399	Phục hồi chức năng	2	
5	073397	Thực tập y tế dự phòng 2	2	
HỌC KỲ 16			11	
1	073386	Phụ sản	4	
2	074775	Nội bệnh lý 1	3	
3	073383	Ngoại bệnh lý	4	
HỌC KỲ 17			11	
1	073385	Nhi	4	
2	074558	Nội bệnh lý 2	3	
3	074892	Thực tập cộng đồng	4	
HỌC KỲ 18			10	
1	073404	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	073405	Khóa luận tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp	5	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.

S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
1	075580	Triết học Mác - Lênin	3	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
6	070011	Pháp luật đại cương	2	H	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
7	070241	Tâm lý y học - đạo đức y học	2	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
8	076560	Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
9	076567	Tiếng Anh tổng quát 2 –	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tối
		Ngành Y														
10	076568	Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
11	076569	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
12	076570	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	S	N	N	N	S	H	N	N	S	S	N	N	5
13	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	N	N	3
14	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	S	N	N	3
15	070004	Hóa học đại cương	2	S	N	N	N	N	N	N	N	N	S	N	N	2
16	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
17	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)	8	S	N	N	N	S	S	N	N	S	S	N	N	5
18	076571	Kỹ năng giao tiếp y khoa 1	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	N	5
19	076572	Kỹ năng giao tiếp y khoa 2	2	S	N	N	N	S	H	N	N	S	H	N	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tối
20	073357	Lý sinh	2	N	S	N	N	H	N	N	S	S	N	S	S	6
21	073375	Thống kê y sinh học	3	N	H	N	S	N	S	S	N	N	H	S	S	7
22	074008	Sinh học và di truyền	2	S	N	S	N	N	N	H	N	N	H	S	N	7
23	074890	Nghiên cứu định lượng	2	H	N	N	S	S	S	N	N	S	N	S	S	7
24	073360	Sinh lý học	3	N	H	N	S	H	N	N	N	S	H	S	S	8
25	074512	Dược lý đại cương	2	S	N	S	N	N	N	S	S	N	H	S	N	6
26	074550	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	H	N	N	S	S	H	S	S	S	N	S	S	9
27	073409	Dịch tễ học đại cương	3	N	S	N	N	S	N	N	S	S	H	S	S	7
28	073356	Hóa sinh	3	N	H	N	S	H	N	N	S	H	N	N	S	6
29	073364	Giải phẫu bệnh	2	S	N	S	N	N	N	S	N	N	S	H	H	7
30	073361	Điều dưỡng cơ bản	2	H	N	N	S	N	N	H	N	N	H	N	S	6
31	073407	Vi sinh học	2	N	S	N	N	S	N	N	S	S	N	S	N	5
32	073366	Mô phôi	2	N	H	N	S	H	N	N	S	N	N	N	S	6
33	073379	Thực tập y học dự phòng 1	2	S	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	H	9
34	073406	Truyền thông và	2	H	N	H	S	S	S	H	S	S	H	S	S	11

Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tối
		giáo dục sức khỏe														
35	073372	Khoa học môi trường sinh thái	2	N	S	N	N	S	N	S	N	S	N	S	S	6
36	073355	Giải phẫu	4	N	H	N	S	H	N	N	S	S	H	S	S	8
37	073365	Ký sinh trùng y học	2	S	N	S	N	N	S	N	N	S	H	S	N	6
38	073408	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	H	N	N	S	N	H	N	S	S	H	S	S	8
39	073358	Dân số học	2	S	S	H	N	S	N	S	N	S	N	S	S	8
40	073371	Chẩn đoán hình ảnh	2	N	H	N	S	H	N	N	S	H	N	N	S	6
41	074517	Y xã hội học và nhân học y học	2	S	N	S	N	N	S	N	N	N	S	N	N	4
42	075930	Kỹ năng y khoa cơ bản	3	H	N	N	S	N	H	N	S	N	H	N	S	6
43	073380	Truyền nhiễm	4	N	H	N	S	N	H	N	S	N	H	N	S	6
44	073399	Phục hồi chức năng	2	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	6
45	073397	Thực tập y học dự phòng 2	2	H	N	N	S	N	H	N	S	S	H	S	S	8
46	073384	Nội bệnh lý 1	3	N	S	N	N	S	N	S	N	S	N	S	N	5
47	074551	Sức khỏe nghề nghiệp	2	N	H	N	S	H	N	N	S	H	N	N	S	6

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												Tổng
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	
48	073410	Sức khỏe môi trường	2	S	N	S	N	N	S	N	N	N	S	N	N	4
49	076573	Y học gia đình	4	N	S	N	N	S	N	S	N	S	H	S	S	7
50	076574	Tiền lâm sàng	4	N	H	N	S	H	N	S	S	H	N	S	S	8
51	073377	Nội cơ sở	2	S	N	S	N	N	S	N	N	N	S	H	S	6
52	073398	Tổ chức và quản lý y tế	2	H	N	N	S	N	H	S	S	N	H	S	S	8
53	073385	Nhi	4	N	S	N	N	S	N	S	H	S	N	S	H	7
54	073386	Phụ sản	4	N	H	N	S	H	N	S	S	H	N	S	S	8
55	073376	Ngoại cơ sở	2	S	N	S	N	N	S	H	H	N	S	H	H	8
56	073400	Sức khỏe lứa tuổi	2	H	N	N	S	N	H	N	S	N	H	N	S	6
57	073383	Ngoại bệnh lý	4	N	S	N	N	S	N	S	S	S	N	S	S	7
58	074518	Dịch tễ học bệnh nhiễm	2	N	H	N	S	H	N	S	S	H	N	S	S	8
59	074520	Dịch tễ học bệnh không nhiễm	2	S	N	S	N	N	S	S	N	N	S	S	S	7
60	073401	Sức khỏe sinh sản	2	H	N	N	S	N	H	N	S	N	H	N	S	6
61	074522	Giám sát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm	4	N	S	N	N	S	N	S	N	S	N	S	N	5

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tối
62	074553	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan dinh dưỡng và thực phẩm	2	N	H	N	S	N	H	N	S	N	H	N	S	6
63	074554	Giám sát, phòng chống bệnh liên quan đến môi trường, nghề nghiệp và học đường	2	S	N	S	N	S	N	N	N	S	N	S	N	6
64	074546	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống chấn thương	2	H	N	N	S	H	N	N	S	H	N	N	S	6
65	074547	Sàng lọc, tầm soát, phòng chống các bệnh mạn tính không lây	4	N	S	N	N	N	S	N	N	N	S	S	S	5
66	073388	Lao	2	N	H	N	S	N	H	S	S	N	H	S	S	8
67	073402	Sức khỏe tâm thần	2	S	N	S	N	S	N	N	N	S	N	S	N	6

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
68	073392	Thần kinh	2	H	N	N	S	H	N	N	H	H	N	N	H	6
69	074555	Nội tiết	3	N	S	N	N	S	S	S	S	H	S	S	H	7
70	073387	Da liễu	2	N	H	N	S	S	S	H	N	H	S	H	N	8
71	073389	Mắt	2	S	N	S	N	S	N	N	S	H	S	N	H	8
72	073391	Tai mũi họng	2	H	N	N	S	H	N	N	H	H	H	N	H	6
73	074557	Ứng bươu	2	N	S	N	N	S	N	S	N	H	S	N	H	7
74	074556	Chấn thương chỉnh hình	3	N	H	N	S	S	S	H	N	H	S	N	H	8
75	074558	Nội bệnh lý	3	N	H	N	S	S	N	N	H	S	S	N	H	8
76	074892	Thực tập cộng đồng	4	S	N	S	N	N	N	H	N	S	N	N	S	6
77	074559	Phân tích số liệu bằng STATA	2	H	N	N	S	S	N	N	S	N	S	S	N	6
78	074567	Nghiên cứu định tính	2	S	S	S	N	H	S	S	H	S	H	H	S	11
79	074560	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	H	H	S	S	H	S	S	H	N	H	S	N	10
80	074562	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	2	S	H	S	N	S	N	H	S	S	S	H	S	11

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra											
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)
81	074563	Quản lý dự án	2	H	H	H	S	S	S	S	N	S	S	N	10
82	074568	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	S	S	H	N	H	S	S	S	H	S	S	11
83	074564	Theo dõi và đánh giá các chương trình y tế	2	H	H	S	S	H	S	H	N	H	S	H	10
84	074565	Lập kế hoạch y tế	2	S	H	S	N	H	H	S	S	H	S	S	11
85	074891	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	H	S	S	S	S	H	S	N	S	S	H	10
86	074573	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	H	S	S	N	H	S	S	S	H	S	S	11
87	074570	Chính sách y tế	2	S	H	H	S	H	S	H	N	H	S	H	10
88	073396	Chương trình y tế quốc gia	2	S	S	S	N	H	H	S	S	H	S	S	11
89	073404	Thực tập tốt nghiệp	5	H	H	H	S	S	H	S	N	S	S	S	10
90	073405	Khóa luận tốt nghiệp/Thi	5	H	H	H	H	H	H	S	S	H	S	S	12

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra												
				ELO ₁ (K ₁)	ELO ₂ (K ₂)	ELO ₃ (K ₃)	ELO ₄ (K ₄)	ELO ₅ (S ₁)	ELO ₆ (S ₂)	ELO ₇ (S ₃)	ELO ₈ (S ₄)	ELO ₉ (A ₁)	ELO ₁₀ (A ₂)	ELO ₁₁ (A ₃)	ELO ₁₂ (A ₄)	Tổng
		tốt nghiệp														
		Tổng (%)		62 (10)	42 (6.8)	30 (4.8)	37 (6.0)	65 (10.5)	60 (9.7)	39 (6.3)	43 (6.9)	72 (11.7)	64 (10.4)	51 (8.3)	53 (8.6)	61 (10)

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học Mác – Lênin: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương.

Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

Pháp luật đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi

phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

Tin học MOS 1 (Windows, Word): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về trang tính, sổ tính, nhập liệu, định dạng các kiểu dữ liệu, trình bày bảng tính; sử dụng công thức và hàm trong bảng tính; sắp xếp, trích lọc và tổ chức dữ liệu; chia sẻ tài liệu trên Microsoft Excel; học phần cũng đi vào các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức, sử dụng các đối tượng minh họa cũng như việc sử dụng các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint.

Tiếng Anh tổng quát 1 – Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tiếng Anh thông qua các bài hội thoại đơn giản, các bài tập có cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản để có thể diễn đạt một số chủ đề về giao tiếp hàng ngày. Qua đó, người học có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

Tiếng Anh tổng quát 2 – Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm rèn luyện thêm cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về ngôn ngữ trên bình diện ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng qua các hoạt động giao tiếp, tương tác trong lớp học, cũng như qua nhiều dạng bài tập giúp người học củng cố kiến thức ngôn ngữ và sử dụng hiệu quả trong giao tiếp nhằm diễn đạt một số chủ đề thường gặp.

Tiếng Anh tổng quát 3 – Ngành Y: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nhằm giúp người học hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ về kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phương pháp nghiên cứu khoa học cần thiết để tiến hành nghiên cứu thực nghiệm hoặc làm các đề án nhỏ trong lớp học. Với học phần này, người học có thể lĩnh hội kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu như nguyên tắc, loại hình, phương pháp, và các thao tác nghiên cứu cơ bản như viết tổng quan nghiên cứu và viết đề cương sơ bộ, cũng như viết nghiên cứu khoa học hay luận văn tốt nghiệp sau này.

Tiếng Anh chuyên ngành 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh với bệnh nhân và thân nhân của họ, có thể trao đổi kiến thức công việc với đồng nghiệp và chuyên gia. Đồng thời, sinh viên có thể làm quen với việc đọc tài liệu qua văn bản báo chí, tài liệu khoa học.

Tiếng Anh chuyên ngành 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ y khoa bằng tiếng Anh trong chương trình giải phẫu đại cương nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng trong môi trường làm việc như viết toa thuốc, bệnh án, xử lý lượng thông tin, các bài báo liên quan đến chuyên ngành.

Kỹ năng giao tiếp y khoa 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Ngành Y Khoa ngày càng tăng yêu cầu bác sĩ trở thành những người giao tiếp hiệu quả hơn, đặc biệt là khi giao dịch với bệnh nhân và người chăm sóc của họ. Các bác sĩ cần được đào tạo để trở thành những người giao tiếp tốt hơn và việc được đào tạo như vậy có những lợi ích khác cho các bác sĩ. Trong khi chương trình giảng dạy đại học hiện đại cần phân bổ nhiều thời gian để huấn luyện giao tiếp hiệu quả. Trong môn học này, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp hiệu quả trong thực hành y tế sẽ được thảo luận và một số tình huống giao tiếp đặc biệt được nêu bật. Các phương pháp dạy-học kỹ năng giao tiếp sẽ được thảo luận, chú ý đến một số của các phương pháp được sử dụng ở Các nước có nền Y khoa phát triển.

Kỹ năng giao tiếp y khoa 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Ngành Y Khoa ngày càng tăng yêu cầu bác sĩ trở thành những người giao tiếp hiệu quả hơn, đặc biệt là khi giao dịch với bệnh nhân và người chăm sóc của họ. Các bác sĩ cần được đào tạo để trở thành những người giao tiếp tốt hơn và việc được đào tạo như vậy có những lợi ích khác cho các bác sĩ. Trong khi chương trình giảng dạy đại học hiện đại cần phân bổ nhiều thời gian để huấn luyện giao tiếp hiệu quả. Trong môn học này, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp hiệu quả trong thực hành y tế sẽ được thảo luận và một số tình huống giao tiếp đặc biệt được nêu bật. Các phương pháp dạy-học kỹ năng giao tiếp sẽ được thảo luận, chú ý đến một số của các phương pháp được sử dụng ở Các nước có nền Y khoa phát triển.

Giáo dục thể chất: 05 tín chỉ

Nội dung: Gồm 2 nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và thể lực.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 08 tín chỉ

Nội dung:

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Lý sinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Bao gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Hóa đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Bao gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

Sinh học và di truyền: 2 tín chỉ

Nội dung: Các vấn đề di truyền cơ bản và ứng dụng để giải thích tính di truyền của các bệnh di truyền thường gặp: phân loại các bệnh di truyền, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể gây bệnh (các bệnh đơn gen, các bệnh nhiễm sắc thể, bệnh ty thể, bệnh đột biến về tế bào sinh dưỡng, bệnh di truyền đa yếu tố). Các chủ đề được nhấn mạnh bao gồm di truyền các bệnh chuyển hóa, các bệnh huyết học, di truyền ung thư, dị dạng bẩm sinh, di truyền trong sản phụ khoa, di truyền các bệnh mãn tính (bệnh mạch vành, bệnh đái tháo đường, các bệnh tâm thần...); tư vấn di truyền và các vấn đề luật pháp có liên quan. Các kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh di truyền, kể cả nguyên tắc điều trị gen.

Nghiên cứu định lượng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách thức thu thập, phân tích và xây dựng mục tiêu nghiên cứu, viết đề cương cũng như các bước tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học sức khỏe cộng đồng.

Dịch tễ học bệnh nhiễm: 2 tín chỉ

Nội dung: Bệnh truyền nhiễm xảy ra trong cộng đồng là kết quả của sự tương tác giữa ký chủ, tác nhân gây bệnh và môi trường. Mối quan tâm của dịch tễ học bệnh truyền nhiễm là sự xâm nhập của tác nhân gây bệnh vào dân số, cách thức lây truyền của bệnh, sự lây lan của chúng lên cả từng cá nhân và toàn bộ dân số đó.

Dịch tễ học bệnh không nhiễm: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức về các vấn đề liên quan đến bệnh mãn tính không lây và các yếu tố nguy cơ cũng như cách phòng ngừa bệnh. Môn học cũng cung cấp kỹ năng tìm hiểu và mô tả gánh nặng bệnh tật, tử vong, phân tích đặc điểm dịch tễ học, các yếu tố nguy cơ và cách tiếp cận đa phương trong các chương trình can thiệp phòng ngừa bệnh trên cộng đồng cũng như chiến lược điều trị và chăm sóc bệnh mãn tính không lây cho cá thể.

Hóa sinh: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh hoạt và chuyển hóa năng lượng. Quan sát thực hiện và hiểu được ý nghĩa

của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

Sinh lý học: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng.

Dược lý đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Với môn học này, sinh viên sẽ được học về cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc. Áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm. Phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

Mô phôi: 2 tín chỉ

Nội dung: Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn hình thành mầm các cơ quan. Mô tả được sự hình thành và phát triển, cấu tạo và chức năng của các bộ phận phụ của phôi thai người. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan.

Giải phẫu: 4 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, cấu tạo chức năng của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người, liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu và những môn học điều dưỡng lâm sàng. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu của cơ thể người ở mức độ trên tế bào.

Điều dưỡng cơ bản: 2 tín chỉ

Nội dung: Điều dưỡng cơ bản là môn học về các nội dung hoạt động chăm sóc của người điều dưỡng. Mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, trình bày cách xử với từng tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí thành thạo các tình huống sơ cứu thông thường.

Giải phẫu bệnh: 2 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên sẽ được học các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý. Nhận định được mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam, tìm hiểu nguyên nhân để đóng góp cho việc điều trị, phòng bệnh cũng như chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Vi sinh học: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học về các đặc điểm: hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học. Mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật. Các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

Sinh lý bệnh - miễn dịch: 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung để vận dụng vào thực hành lâm sàng. So sánh phân biệt bản chất và hiện tượng trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý. Giải thích và mô tả về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch. Các giai đoạn, các yếu tố tham gia sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể. Vai trò của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và hệ thống miễn dịch đặc hiệu (miễn dịch thể dịch và miễn dịch qua trung gian tế bào) trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể. Những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn

Dân số học: 2 tín chỉ

Nội dung: Trình bày và tính toán các nguồn số liệu dân số, dự báo tốc độ phát triển dân số, liệt kê các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 2 tín chỉ

Nội dung: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm hiện nay đang là vấn đề thời sự trên toàn cầu, bởi nó liên quan đến sức khỏe con người và sự phát triển, ổn định kinh tế, xã hội, chính trị của mỗi Quốc gia. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức - kỹ năng - Thái độ cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn nhằm tăng cường sức khỏe con người và giúp các em biết cách tiếp cận toàn diện ở cộng đồng.

Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức bao gồm: các khái niệm TT-GDSK và nâng cao sức khỏe, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe, các phương pháp, phương tiện TT- GDSK, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; quá trình truyền thông và các yêu cầu làm TT-GDSK có hiệu quả. Các nội dung đặc trưng trong TT-GDSK. Đồng thời giúp sinh viên phân tích các kỹ năng cần rèn luyện trong TT-GDSK. Lập kế hoạch TT-GDSK cho một chương trình TT-GDSK.

Ký sinh trùng y học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Ký sinh trùng sẽ giảng cho sinh viên về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo cơ của ký sinh trùng. Đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm dịch tễ KST ở Việt Nam. Phân tích đặc điểm bệnh học và tác hại do KST và bệnh ký sinh trùng. Phân tích mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Giới thiệu một số phương pháp chẩn đoán bệnh KST và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng trong ký sinh trùng. Các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

Thống kê y sinh học: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần gồm: kiến thức cơ bản về xác suất. Phân biệt các nguồn số liệu cần thiết trong thống kê y tế, các khái niệm về quần thể, mẫu, biến số và cách xác định biến số. Phân biệt thống kê mô tả và thống kê suy luận, trình bày được một số phương pháp tổng hợp, mô tả và trình bày số liệu thường dùng.

Dịch tễ học đại cương: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học. Tính toán được các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng. Mô tả tình hình sức khoẻ và bệnh tật của cộng đồng. Xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. Trình bày được cách đánh giá một chương trình can thiệp

Tiền lâm sàng: 4 tín chỉ

Nội dung: Thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa... trên mô hình hoặc bệnh nhân giả định trước khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Chẩn đoán hình ảnh: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X-quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

Y học xã hội và nhân học y học: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học đề cập đến mối quan hệ đan xen giữa văn hoá, sinh thái và y tế trong nghiên cứu các vấn đề bệnh tật của con người. Môn học xem xét các tín ngưỡng và tập quán văn hoá có vai trò chi phối những cách ứng xử của con người với bệnh tật.

Kỹ năng y khoa: 3 tín chỉ

Nội dung: Thực hành Kỹ năng giao tiếp với người bệnh, Kỹ năng điều dưỡng và Kỹ năng thăm khám... trên bệnh nhân khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Nội cơ sở: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan, các nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, các hội chứng, các xét nghiệm cận lâm sàng các bệnh nội khoa. Môn học nội cơ sở gồm các triệu chứng học về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết, hồi sức cấp cứu.

Ngoại cơ sở: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây mê, gây mê, vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Môn học ngoại cơ sở gồm các triệu chứng học của các chuyên khoa: cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, sọ não, cơ-xương- khớp, tiết niệu, chấn thương.

Thực tập y học dự phòng 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Thực tập y học dự phòng 1 giúp sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường.

Nội bệnh lý 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí ban đầu của các bệnh nội khoa. Nội dung môn học nội bệnh lý gồm các bệnh chuyên

khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, cơ – xương- khớp, tiết niệu, nội tiết.

Tổ chức và quản lý y tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/ chương trình y học dự phòng. Kế hoạch hành động theo vấn đề y học dự phòng cụ thể và thực hiện được một số nội dung quản lý y tế cơ bản. Khái niệm, quy trình chính sách y tế; phân tích và đánh giá chính sách thuộc lĩnh vực y tế dự phòng. Một số chính sách lớn về y học dự phòng của Việt Nam hiện hành.

Ngoại bệnh lý: 4 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp. Nội dung của môn ngoại bệnh lý gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa: cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, - cơ – xương khớp, sọ não, tiết niệu.

Truyền nhiễm: 4 tín chỉ

Nội dung: Nắm vững các triệu chứng lâm sàng thể điển hình của các bệnh truyền nhiễm thông thường và các thể lâm sàng, biến chứng của bệnh. Ra quyết định làm các xét nghiệm để xác định chẩn đoán bệnh. Điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp, thể điển hình. Phát hiện sơ cứu & chuyển kịp thời các trường hợp bệnh nặng lên tuyến trên điều trị. Giới thiệu các biện pháp phòng một số bệnh truyền nhiễm phổ biến gây dịch tại địa phương.

Khoa học môi trường sinh thái: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý cơ bản của sinh thái học, tác động xã hội lên môi trường, sự cần thiết và giải pháp bảo vệ môi trường

Phục hồi chức năng: 2 tín chỉ

Nội dung: Mô tả quá trình tàn tật và nêu các định nghĩa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật. Trình bày được các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật. Trình bày được các nguyên tắc và các kỹ thuật cơ bản trong Phục hồi chức năng: vận động trị liệu, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng. Đánh giá được tình trạng 1 bệnh nhân tổn thương tuỷ sống. Thực hiện được một số bài tập PHCN cho bệnh nhân tổn thương tuỷ sống.

Nhi: 4 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Phụ sản: 4 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm triệu chứng, chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường và những trường hợp thai nghén bệnh lý. Chẩn đoán, định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu.

Sức khỏe nghề nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Xác định và đánh giá được các yếu tố nguy cơ trong lao động, ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe người lao động, đề xuất được các giải pháp cải thiện điều kiện lao động và phòng chống tai nạn lao động. Áp dụng được phương pháp dịch tễ học trong nghiên cứu sức khỏe nghề nghiệp.

Mắt: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần chuyên khoa này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý thường gặp trong nhãn khoa. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp.

Thần kinh: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các nguyên tắc thăm khám thần kinh, các bước chẩn đoán một hội chứng thần kinh qua đó hướng cho sinh viên tìm nguyên nhân gây bệnh và điều trị một số hội chứng thần kinh.

Tai mũi họng: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần chuyên khoa này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp trong tai mũi họng.

Thực tập y học dự phòng 2: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên xác định và lập kế hoạch can thiệp các vấn đề sức khỏe của cộng đồng

Tâm lý y học - Đạo đức y học: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

Nội tiết: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức về hệ nội tiết, bao gồm cơ chế sản xuất hormone và các bệnh liên quan.

Ung bướu : 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các môn học về các phương tiện, phương tiện thăm khám, các hình ảnh, chuẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh ung thư thường gặp.

Chấn thương chỉnh hình: 3 tín chỉ

Nội dung: Sau khi học xong học phần chấn thương chỉnh hình sinh viên có khả năng chẩn đoán, cấp cứu và xử trí ban đầu đúng và chuyển viện an toàn, quản lý và theo dõi các loại thương tích trên cơ quan vận động thường gặp tại phòng khám ngoại trú tại cộng đồng.

Nội bệnh lý 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí ban đầu của các bệnh nội khoa. Nội dung môn học nội bệnh lý gồm các bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, cơ – xương- khớp, tiết niệu, nội tiết.

Thực tập cộng đồng: 4 tín chỉ

Nội dung: Kỹ năng làm việc nhóm và tiếp xúc cộng đồng, xây dựng các kế hoạch, triển khai và giám sát các chương trình y tế tại địa phương. Xác định các vấn đề sức khỏe còn tồn tại và vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

Phân tích số liệu bằng STATA: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với STATA. Kết thúc môn học sinh viên sẽ sử dụng được công cụ STATA phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực y tế.

Nghiên cứu định tính: 2 tín chỉ

Nội dung: Nghiên cứu định tính dựa trên một chiến lược nghiên cứu linh hoạt và có tính biện chứng. Phương pháp này cho phép phát hiện những vấn đề sức khỏe quan trọng mà các nhà nghiên cứu có thể chưa bao quát được trước đó; Nghiên cứu định tính không trả lời câu hỏi nghiên cứu bằng con số cụ thể, mà trả lời câu hỏi nghiên cứu một cách cặn kẽ nhiều khía cạnh của vấn đề nghiên cứu; Dữ liệu để phản ánh mục tiêu trong NCĐT là những ý kiến, lời phát biểu, nhận định, đánh giá của con người cụ thể đối với vấn đề nghiên cứu; Đối tượng NC là những người tiêu biểu nhất, đại diện nhất của vấn đề nghiên cứu. Nghiên cứu định tính thường là công đoạn đầu hoặc cuối của nghiên cứu định lượng nhằm cung cấp dữ liệu “sống động” về hiện tượng – giúp giải thích kết quả.

Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp các kiến thức cơ bản về truyền thông sức khỏe, các nguyên tắc truyền thông; kiến thức cơ bản về tiếp thị xã hội; Phân tích được các mô hình và nguyên tắc tiếp thị xã hội trong nâng cao sức khỏe. Phân tích đối tượng đích và các thành phần liên quan trong tiếp thị xã hội

Chương trình phòng chống HIV/AIDS: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học phòng, chống HIV/AIDS là môn học tự chọn và có vai trò quan trọng đối với những sinh viên đang hoặc sẽ làm việc trong các lĩnh vực y tế như y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe cộng đồng, chăm sóc và điều trị bệnh tại bệnh viện hoặc tại cộng đồng. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và đầy đủ về chương trình phòng chống HIV/AIDS đang được triển khai tại Việt Nam.

Theo dõi và đánh giá các chương trình y tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung môn học cung cấp những khái niệm, nguyên tắc quản lý trong chính sách y tế và các nội dung chính (mục tiêu, đối tượng, chiến lược hoạt động) của các chương trình y tế. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng được các kỹ năng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động các chương trình y tế tại tuyến y tế cơ sở.

Lập kế hoạch y tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần Tổ chức – Quản lý Y tế dành cho BS.Y học dự phòng và CN.Y tế Công cộng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kế hoạch y tế, các bước lập kế hoạch, các nguyên tắc trong lập kế hoạch y tế và các phương pháp cơ bản trong theo dõi và giám sát.

Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sức khỏe, mô hình bệnh tật và các yếu tố quyết định đến sức khỏe cộng đồng tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, từ đó giúp sinh viên vận dụng đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Mục đích của khóa học này là trang bị cho người học cái nhìn tổng quát về mô hình bệnh tật và tử vong trong cộng đồng. Khóa học gồm 3 lĩnh vực quan tâm cụ thể: hệ thống phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế ICD-10; các nguyên tắc và các bước thực hiện mã hóa bệnh và nguyên nhân tử vong theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO); thiết lập mô hình bệnh tật và tử vong trong cộng đồng.

Chính sách y tế: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần Tổ chức – Quản lý Y tế dành cho BS.Y học dự phòng và CN.Y tế Công cộng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức về các nguyên lý, các chỉ số, các phương pháp luận trong chính sách y tế. Từ đó, học viên có khả năng vận dụng được các kỹ năng trong xây dựng và đánh giá chính sách y tế.

Da liễu: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học Da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý trong da liễu. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý về da thường gặp.

Lao: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý trong bệnh lao các loại. Biết cách khai thác, thăm khám và phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng đồng thời đưa ra được các chẩn đoán, hướng xử trí các bệnh đã gặp. Sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức kỹ năng về điều trị, chăm sóc và làm các thủ thuật một số bệnh lý thường gặp

Y học gia đình: 4 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm nguyên lý y học gia đình và việc triển khai ứng dụng vào công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình và một nhóm dân cư tại cộng đồng.

Sức khỏe lứa tuổi: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên các vấn đề sức khỏe ở từng lứa tuổi

Sức khỏe sinh sản: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và cách thực hiện công tác thông tin giáo dục truyền thông và tư vấn sức khỏe sinh sản

Giám sát, phòng chống các bệnh truyền nhiễm: 4 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần dành cho BS.Y học dự phòng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức về quy trình giám sát, phát hiện và phòng ngừa lây lan các dịch bệnh mới nổi và quy trình xác định căn nguyên của dịch bệnh.

Giám sát, phòng chống bệnh liên quan dinh dưỡng và thực phẩm: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần dành cho BS.Y học dự phòng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức, các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về giám sát, phòng chống các bệnh liên quan dinh dưỡng, thực phẩm.

Giám sát, phòng chống bệnh liên quan đến môi trường, nghề nghiệp và học đường: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần dành cho BS.Y học dự phòng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức, các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về giám sát, phòng chống các bệnh liên quan môi trường, nghề nghiệp và học đường.

Sàng lọc, tầm soát, phòng chống chấn thương: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần dành cho BS.Y học dự phòng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức, các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về sàng lọc, phát hiện sớm, kiểm soát và dự phòng chấn thương và các bệnh mạn tính không lây nhiễm tại địa phương. Đồng thời học viên còn được học cách tư vấn thay đổi lối sống, phòng chống một số bệnh mạn tính không lây.

Sàng lọc, tầm soát, phòng chống các bệnh mạn tính không lây: 4 tín chỉ

Nội dung: Môn học bắt buộc trong học phần dành cho BS.Y học dự phòng. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức, các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về sàng lọc, phát hiện sớm, kiểm soát và dự phòng chấn thương và các bệnh mạn tính không lây nhiễm tại địa phương. Đồng thời học viên còn được học cách tư vấn thay đổi lối sống, phòng chống một số bệnh mạn tính không lây.

Chương trình y tế quốc gia: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung gồm các chương trình y tế quốc gia, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp.

Sức khỏe môi trường: 2 tín chỉ

Nội dung: Trình bày được các định nghĩa và khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe. Các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe. Trình bày các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau. Khảo sát đánh giá 1 số yếu tố môi trường, tác động của môi trường lên sức khỏe.

Sức khỏe tâm thần: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm: định nghĩa sức khỏe tâm thần, tâm thần học hiện đại và các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Phát hiện đúng các

biểu hiện về triệu chứng, hội chứng học thường gặp trong thực hành tâm thần học. Xử trí được các trạng thái cấp cứu trong tâm thần như: kích động, tự sát... Chẩn đoán được một số bệnh tâm thần thường gặp như: tâm thần phân liệt, loạn thần triệu chứng, trầm cảm, nghiện ma túy, lạm dụng rượu... Biết tổ chức chăm sóc theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng. Vận dụng được các phương pháp điều trị (liệu pháp hoá dược, liệu pháp tâm lý trong điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần).

Thực tập tốt nghiệp: 5 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên sẽ được thực tập tại bệnh viện và viện nghiên cứu để biết được cơ cấu tổ chức, cách xử lý tình huống cấp bách, tham gia dự án, nghiên cứu sức khỏe.

Khóa luận tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp : 5 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên sẽ được thực hành làm khóa luận nghiên cứu khoa học tại bệnh viện và viện nghiên cứu để biết được cấu trúc của một đề tài nghiên cứu sức khỏe, đầu ra của vấn đề sức khỏe.

III. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Y học dự phòng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Y học dự phòng của Trường ĐH Đại học Y Dược TPHCM	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	205 tín chỉ (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)	225 tín chỉ (Chưa bao gồm GDTC và GDQP)	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)			Giống 80%
- Học phần đại cương	40 tín chỉ	37 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	50 tín chỉ	60 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	105 tín chỉ	118 tín chỉ	
- Học phần tốt nghiệp	10 tín chỉ	10 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không	Không	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Phương pháp giảng dạy tích cực	Phương pháp giảng dạy tích cực	
Học phí	~ 13.000.000/học kỳ	38,000,000/năm	
Các đối sánh khác (nếu có)	Không	Không	

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ-NTT ngày 26/7/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện theo quy chế đào tạo của nhà trường và các quy định đặc thù trong đánh giá của của khối ngành sức khỏe

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu.

HIỆU TRƯỞNG *ch*

(Ký tên và đóng dấu) *ch*



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ch
PGS.TS. Lê Thị Kim Nhung

